

Số: 1962/SXD-QLXD

Quảng Trị, ngày 19 tháng 10 năm 2021

V/v phổ biến các Thông tư hướng dẫn
Nghị định số 10/2021/NĐ-CP

Kính gửi:

- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Chủ đầu tư, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Ngày 31/8/2021, Bộ Xây dựng đã ban hành các Thông tư: số 11/2021/TT-BXD, số 12/2021/TT-BXD, số 13/2021/TT-BXD hướng dẫn thực hiện Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị phổ biến một số nội dung chủ yếu như sau:

1. Thông tư số 11/2021/TT-BXD Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng:

- Thông tư số 11/2021/TT-BXD hướng dẫn một số nội dung về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng gồm: sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng, tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng công trình, dự toán gói thầu, giá xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng, suất vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư xây dựng, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng.

- Thông tư số 11/2021/TT-BXD thay thế các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công; Số 14/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định và quản lý chỉ số giá xây dựng; Số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng; Số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng; Số 18/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn quy đổi vốn đầu tư xây dựng; Số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Thông tư có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

2. Thông tư số 12/2021/TT-BXD Ban hành định xây dựng:

- Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD các định mức xây dựng sau:
- + Định mức dự toán khảo sát xây dựng công trình.
 - + Định mức dự toán xây dựng công trình.
 - + Định mức dự toán lắp đặt hệ thống kỹ thuật của công trình.
 - + Định mức dự toán lắp đặt máy và thiết bị công.
 - + Định mức dự toán thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.
 - + Định mức dự toán sửa chữa và bảo dưỡng công trình xây dựng.
 - + Định mức sử dụng vật liệu xây dựng.

+ Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng.

- Định mức xây dựng quy định tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD thay thế định mức xây dựng đã ban hành tại các Thông tư của Bộ xây dựng: Số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 ban hành định mức xây dựng; Số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng và thay thế Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2020 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Thông tư có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Một số nội dung thay đổi của Thông tư số 12/2021/TT-BXD so với Thông tư số 10/2021/TT-BXD và Thông tư số 02/2020/TT-BXD (*Chi tiết theo phụ lục số I kèm theo Văn bản này*).

3. Thông tư số 13/2021/TT-BXD Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình:

- Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2021/TT-BXD các phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình sau:

+ Phương pháp xác định suất vốn đầu tư xây dựng.

+ Phương pháp xác định chỉ số giá xây dựng.

+ Phương pháp xác định định mức dự toán mới, điều chỉnh định mức dự toán và rà soát, cập nhật hệ thống định mức.

+ Phương pháp xác định đơn giá nhân công xây dựng.

+ Phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng.

+ Phương pháp đo bóc khối lượng công trình.

- Phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình quy định tại Thông tư số 13/2021/TT-BXD thay thế các phương pháp đã ban hành tại Mục I Phụ lục số 5, Phụ lục số 6, Phụ lục số 7 của các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng; Số 14/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định và quản lý chỉ số giá xây dựng; Số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng; Số 17/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn đo bóc khối lượng xây dựng công trình.

- Một số nội dung thay đổi của Thông tư số 13/2021/TT-BXD so với Thông tư số 11/2019/TT-BXD và Thông tư số 02/2020/TT-BXD (*Chi tiết theo phụ lục số II kèm theo Văn bản này*).

4. Quyết định Công bố Đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị:

- Ngày 15/10/2021, UBND tỉnh Quảng Trị có Quyết định số 3148/QĐ-UBND về việc Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan làm căn cứ xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân

sách, dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Khuyến khích các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng các dự án sử dụng nguồn vốn khác áp dụng đơn giá nhân công tại Quyết định số 3148/QĐ-UBND làm cơ sở thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.

- Đơn giá nhân công xây dựng bao gồm:
 - + Công nhân xây dựng trực tiếp: 04 nhóm.
 - + Kỹ sư.
 - + Nghệ nhân.
 - + Vận hành tàu, thuyền: 05 nhóm.
 - + Thợ lặn.

Các Thông tư, Quyết định có hiệu lực từ ngày 15/10/2021, nội dung các Thông tư, Quyết định được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng www.moc.gov.vn hoặc trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị soxaydung.quangtri.gov.vn.

Sở Xây dựng trân trọng thông báo đề các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan nghiên cứu và triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên ;
- UBND tỉnh (để Báo cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- Website Sở XD;
- Lưu: VT, QLXD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Văn Đức Lợi

Phụ lục I

Nội dung thay đổi của Thông tư số 12/2021/TT-BXD so với Thông tư số 10/2021/TT-BXD và Thông tư số 02/2020/TT-BXD
(Kèm theo Văn bản số 1962/QLXD-SXD ngày 19/10/2021 của Sở Xây dựng)

1. Định mức dự toán xây dựng (Phụ lục II Thông tư 12/2021/TT-BXD)

1.1. Các định mức sửa đổi

a) Sửa đổi trị số định mức

- Chặt cây ở địa hình bằng phẳng bằng máy cưa, đường kính gốc cây ≤ 20 cm (mã hiệu AA.12111).

- Chặt cây ở sườn dốc bằng máy cưa, đường kính gốc cây ≤ 20 cm (mã hiệu AA.12121).

- Phá dỡ kết cấu bê tông bằng máy đào 1,25 m³ gắn đầu búa thủy lực (mã hiệu AA 22310).

- Lắp đặt ống vách cọc khoan nhồi (mã hiệu AC.34500).

- Tưới lớp dính bám mặt đường bằng nhựa pha dầu, lượng nhựa 0,5kg/m² (mã hiệu AD.24211).

- Làm và thả rọ đá (mã hiệu AL.15100).

- Làm và thả rỗng đá (mã hiệu AL.15200).

- Gia công lắp đặt khe dọc sân, bãi, đường bê tông (mã hiệu AL.24113).

- Trám khe co mặt đường bê tông bằng keo (mã hiệu AL.24221).

- Trám khe giãn mặt đường bê tông bằng keo (mã hiệu AL.24222).

- Trám khe dọc mặt đường bê tông bằng keo (mã hiệu AL.24223).

b) Sửa đổi, bổ sung thuyết minh áp dụng, thành phần công việc, quy định áp dụng của định mức.

- Mục 1 Thuyết minh Chương II.

- Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ (mã hiệu AB.40000).

- Hướng dẫn áp dụng Chương III.

- Khoan tạo lỗ bằng phương pháp khoan xoay phản tuần hoàn (sử dụng dung dịch khoan) (mã hiệu AC.32000).

- Xây tường gạch bê tông kích thước gạch 10,5x6x22cm, 10x6x21cm, 9,5x6x20cm (mã hiệu AE.82260, AE.82270, AE.82280).

- Bê tông đường cát hạ cánh, đường lăn, sân đỗ đỗ bằng máy rải bê tông SP500 (mã hiệu AF.37300).

- Sản xuất vữa bê tông, vữa bê tông đầm lăn qua dây chuyền trạm trộn (mã hiệu AF.51000).

- Vận chuyển đầm cầu bằng xe chuyên dụng (mã hiệu AG.53400).

- Gia công, lắp đặt khe co, khe giãn, khe ngàm liên kết, khe tăng cường đường cát hạ cánh, đường lăn, sân đỗ (*mã hiệu AL.21100*).
- Khoan tạo lỗ đường kính nhỏ vào đất (*mã hiệu AL.52130*).
- Đắp hỗn hợp tro xi nhiệt điện tạo mặt bằng bằng máy lu (*mã hiệu AN.11400*).
- San gạt hỗn hợp tro xi nhiệt điện tại vị trí san lấp bằng máy ủi (*mã hiệu AN.11500*).
- Thuyết minh vận chuyển tro bay, tro xi (*mã hiệu AN.30000*).
- c) Sửa đổi tên công tác, đơn vị tính, mã hiệu định mức
 - Sửa đổi tên công tác các định mức có mã hiệu sau: AB.51810; AD.23250; AF.12310; AF.37300; AF.69100; AG.41610; AG.52500; AG 52600' AN.31000, AN.32000.
 - Sửa đổi đơn vị tính định mức có mã hiệu sau: AM.11260.
 - Bổ sung mã hiệu định mức công tác: Vận chuyển vật tư, phụ kiện từ bờ đảo lên vị trí thi công bằng thủ công.

1.2. Bổ sung định mức mới

- Đóng cọc ván thép bằng (cừ Larsen) trên cạn bằng máy đóng cọc 1,8t (*mã hiệu AC.22J00*).
- Đóng cọc ván thép bằng (cừ Larsen) dưới nước bằng tàu đóng cọc búa 1,8t (*mã hiệu AC.22200*).
- Ép trước cọc bê tông cốt thép kích thước cọc 30x30cm, 35x35cm, 40x40cm bằng máy ép cọc 200 t (*mã hiệu AC.26000*).
- Thi công mặt đường đá 4x6 chèn đá dăm (*mã hiệu AD.22100*).
- Bê tông xà dầm, giằng nhà đổ bằng thủ công vữa bê tông sản xuất bằng máy trộn, chiều cao $\leq 28\text{m}$ (*mã hiệu AF.12320*).
- Bê tông bản mặt cầu đổ bằng máy bơm bê tông (*mã hiệu AF.31310*).
- Bơm vữa xi măng lấp đầy ống siêu âm cọc khoan nhồi (*mã hiệu AF.37500*).
- Lắp đặt các loại cầu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công trọng lượng cầu kiện $\leq 35\text{kg}$, $\leq 75\text{kg}$, $\leq 100\text{kg}$ (*mã hiệu AG.42100*).
- Gia công ống vách thép cọc khoan nhồi (*mã hiệu AI.12100*).
- Gia công cầu kiện dầm thép (dầm chủ, liên kết dọc dưới, dầm dọc, dầm ngang) (*mã hiệu AI.22100*).
- Lắp dựng kết cấu thép dạng Bailey, Uykm (*mã hiệu AI.62200*).
- Quét nhựa đường chống thấm môi nối ống cống (*mã hiệu AK.95100*).
- Định mức vận chuyển vật liệu và cầu kiện xây dựng với cự ly vận chuyển $> 60\text{ km}$ (Chương XII).

2. Định mức dự toán lắp đặt hệ thống kỹ thuật của công trình (Phụ lục III Thông tư 12/2021/TT-BXD)

- Sửa đổi trị số định mức các công tác sau:
 - + Lắp đặt ống đồng bằng phương pháp hàn (*mã hiệu BB.51000*).
 - + Lắp đặt côn, cắt đồng bằng phương pháp hàn (*mã hiệu BB.74100*).
 - + Cắt ống thép bằng ô xy và khí gas (*mã hiệu BB.89300*).
 - + Lắp đặt kết cấu giếng - Nối ống bằng phương pháp hàn (*mã hiệu BD.28100*).
 - + Chồng ống (*mã hiệu BD.28300*).
- Sửa đổi thành phần công việc công tác: Lắp đặt ống thông gió hộp (*mã hiệu BB.61000*).
- Bổ sung qui định áp dụng công tác khai thác nước ngầm (*mã hiệu BD.20000*).

3. Định mức dự toán lắp đặt máy và thiết bị công nghệ (Phụ lục IV Thông tư 12/2021/TT-BXD)

Sửa đổi trị số định mức các công tác sau:

- Lắp đặt đường ống thép dẫn xăng dầu trong kho quét 2 lớp sơn chống rỉ 1 lớp sơn lót (*mã hiệu MO.06400*).
- Lắp đặt đường ống thép dẫn xăng dầu trong kho bọc một lớp vải thủy tinh $d = 3 \pm 0,5$ mm (*mã hiệu MO.06500*).
- Lắp đặt đường ống thép dẫn xăng dầu trong kho bọc hai lớp vải thủy tinh $d = 6 \pm 0,5$ mm (*mã hiệu MO.06600*).
- Lắp đặt đường ống thép dẫn xăng dầu trong kho bọc ba lớp vải thủy tinh $d = 9 \pm 0,5$ mm (*mã hiệu MO.06700*).
- Lắp đặt đường ống thép dẫn xăng dầu qua sông - hồ bọc 3 lớp vải thủy tinh $d = 9 \pm 0,5$ (*mã hiệu MO.06800*).
- Lắp đặt đường ống thép dẫn xăng dầu qua đường bộ, đường sắt bọc 3 lớp vải thủy tinh $d = 9 \pm 0,5$ (*mã hiệu MO.06900*).
- Lắp đặt ống thép lồng dẫn xăng dầu bọc 1 lớp vải thủy tinh $d = 3 \pm 0,5$ mm (*mã hiệu MO.07000*).
- Lắp đặt cắt dẫn xăng dầu nối bằng phương pháp hàn (*mã hiệu MO.07100*).

4. Định mức dự toán thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (Phụ lục V Thông tư 12/2021/TT-BXD)

Sửa đổi định mức các công tác sau:

- Thí nghiệm nhiệt độ hóa mềm phân tích vật liệu bitum (*mã hiệu DA.25002*).
- Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Sức chống cắt trên máy cắt phẳng (*mã hiệu DC.02006*).

- Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Khối thể tích (dung trọng) (*mã hiệu DC.02009*).

5. Định mức dự toán sửa chữa và bảo dưỡng công trình xây dựng (Phụ lục VI Thông tư 12/2021/TT-BXD)

- Sửa đổi Phần 1 Thuyết minh áp dụng.
- Sửa đổi tên công tác các định mức có mã hiệu sau: SA.21250; SA.34200.
- Sửa đổi trị số định mức công tác có mã hiệu SB.72311.

6. Định mức sử dụng vật liệu xây dựng (Phụ lục VII Thông tư 12/2021/TT-BXD)

- Sửa đổi nội dung mục 1.2 Phần 2, Chương I.
- Sửa đổi trị số định mức các công tác sau:
 - + Bê tông đổ tại chỗ cọc khoan nhồi vách bằng Ben tô nít (*mã hiệu 21.2003*).
 - + Bê tông đổ tại chỗ cọc khoan nhồi có ống vách (*mã hiệu 21.2004*).
 - + Bê tông đúc sẵn (*mã hiệu 21.2006*).
- Bổ sung mức hao hụt thi công công tác bê tông hàm (*mã hiệu 21.2007*).

7. Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng (Phụ lục VIII Thông tư 12/2021/TT-BXD)

- Sửa đổi và bổ sung hướng dẫn xác định định mức chi phí quản lý dự án, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật của cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư.

- Bổ sung nội dung hướng dẫn xác định chi phí áp dụng mô hình thông tin công trình (BIM).

- Điều chỉnh chi phí quản lý dự án và bổ sung hướng dẫn xác định chi phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.

- Cập nhật các quy định liên quan đến phân cấp, phân loại công trình.

Phụ lục II

Nội dung thay đổi của Thông tư số 13/2021/TT-BXD so với Thông tư số 11/2019/TT-BXD và Thông tư số 02/2020/TT-BXD
(Kèm theo Văn bản số 1962/QLXD-SXD ngày 19/10/2021 của Sở Xây dựng)

1. Điều chỉnh nguyên giá của 02 máy

M106.0901 Xe bồn chuyên dụng 30 t.

M202.0117 Máy đo dao động điện từ kèm đầu đo dao động 3 chiều.

2. Bổ sung định mức hao phí, dữ liệu và nguyên giá của một số máy

2.1. Bổ sung vào Chương I định mức hao phí, dữ liệu và nguyên giá máy và thiết bị thi công xây dựng 16 máy có mã hiệu như sau:

M101.1002 Máy lu rung tự hành - trọng lượng tĩnh 12t

M102.1301 Kịch nâng - sức nâng 5 t

M102.1801 Xe nâng - chiều cao nâng 9 m

M102.1805 Xe nâng hàng - sức nâng 2t

M103.0902 Máy ép cọc thủy lực 45hp

M104.0101 Máy trộn bê tông - dung tích 100 lít

M106.0101 ô tô vận tải thùng - trọng tải 0,5 t

M106.0506 Ô tô tưới nước - dung tích 10 m³

M107.0803 Máy khoan XY-1A (phục vụ công tác xây dựng)

M109.0506 Ca nô - công suất 90 cv

MI 12.3702 Máy mài - công suất 1,7 kW

M112.4801 Máy xiết bu lông

MI 12.4802 Máy xóa vạch sơn, công suất 13HP

MI 12.4803 Máy hiện sóng 2 tia (Oscilograf)

MI 12.4804 Vôn mét điện tử

MI 12.4805 Đồng hồ vạn năng

2.2. Bổ sung vào Chương II định mức hao phí, dữ liệu và nguyên giá máy và thiết bị chuyên dùng khảo sát, thí nghiệm 46 máy có mã hiệu như sau:

M202.0165 Bể ổn nhiệt

M202.0166 Bếp gas công nghiệp

M202.0167 Bình thử bọt khí

M202.0168 Bộ dụng cụ xác định hàm lượng cát

M202.0169 Bộ thiết bị thí nghiệm điểm hóa mềm (ELE)

M202.0170 Dụng cụ đo nhám

M202.0171 Dụng cụ thử va đập bi rơi

M202.0172 Dụng cụ thử va đập con lắc

M202.0173 Dụng cụ thử xuyên

- M202.0174 Dụng cụ xác định sự thay đổi chiều dài của mẫu vữa
- M202.0175 Dụng cụ xác định ứời gian bắt đầu đông kết
- M202.0176 Khoáng chuẩn
- M202.0177 Khung giá máy & Máy gia tải 50 tấn kỹ thuật số
- M202.0179 Máy SHWD
- M202.0180 Máy bào gỗ
- M202.0181 Máy cắt Makita
- M202.0182 Máy cắt phang
- M202.0183 Máy đầm xoay
- M202.0184 Máy đo chiều dày lớp bê tông bảo vệ và đo đường kính cốt thép
- M202.0185 Máy đo độ đàn hồi
- M202.0186 Máy kéo, nén thủy lực 0,5 tấn
- M202.0187 Máy kéo, nén thủy lực 20 tấn
- M202.0188 Máy kéo, nén thủy lực 200 tấn
- M202.0189 Máy kéo, nén thủy lực 50 tấn
- M202.0190 Máy khoan lấy mẫu chuyên dụng
- M202.0191 Máy khuấy và làm mát nước
- M202.0192 Máy thử cường độ bám dính
- M202.0193 Máy thử độ chống thấm
- M202.0194 Máy thử kéo xác định cường độ bám dính
- M202.0195 Máy xác định độ thấm nước của bê tông kiểu C430 (hoặc C431) của hãng Matest (Italia)
- M202.0196 Nhớt ké
- M202.0197 Nhớt ké Suttard
- M202.0198 Nhớt ké Vebe
- M202.0199 Súng bột nẩy
- M202.0200 Thiết bị đo góc nghỉ của cát
- M202.0201 Thiết bị đo góc nghỉ tự nhiên của đất
- M202.0202 Thiết bị đo nhiệt độ bê tông
- M202.0203 Thiết bị đo nhiệt lượng
- M202.0204 Thiết bị gia nhiệt vòng và bi
- M202.0205 Thiết bị thử tải trọng
- M202.0206 Thiết bị wheel tracking
- M202.0207 Thiết bị xác định độ bền cọ rửa
- M202.0208 Thiết bị xác định thay đổi chiều cao cột vữa
- M202.0209 Xe chuyên dùng
- M202.0211 Dụng cụ vòng và bi